

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày 27/5/2020.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Đỗ Đức Lâm**.

2. Bà: **Lê Thị Sáu**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà **Vũ Ngọc Anh**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2019/TLDS-ST ngày 24/9/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐDS-ST ngày 20/02/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐDS-ST ngày 06/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M , sinh năm 1957 và ông Nguyễn Văn Chính, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn 9, xã Lộc T , huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Ph , sinh năm 1975; địa chỉ: 1A Nguyễn Văn C, P. L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị Yến N , sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 05, xã Lộc T, huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lâm Thị H , sinh năm 1954 và ông Thạch Ngọc V , sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 8A, xã Lộc T, huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Ph có đơn vắng mặt, bà N , ông V , bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2019, quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/11/2018, bà N có vay của vợ chồng bà M ông Chính 10.000.000đ, lãi suất hàng tháng do các bên tự thỏa thuận, thời hạn trả nợ là ngày 05/12/2018. Mặc dù giấy vay có ghi người thừa kế là bà Lâm Thị H và bà H có ký vào giấy vay tại chỗ người vay tiền nhưng thực tế bà N là người vay và nhận tiền vay. Từ khi vay cho đến nay bà N chưa trả gốc và lãi như thỏa thuận.

Do đó, bà M và ông Chính yêu cầu bà N trả tiền vay gốc 10.000.000đ và lãi phát sinh 1.5% tính từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền 1.400.000đ mà bà M nhận từ ông Khải: Bà M thừa nhận có nhận từ ông Khải 1.400.000đ như bà H trình bày là đúng nhưng đây không phải là tiền bà N trả cho bà mà là tiền bà H, ông V trả nợ cho bà M tại các khoản vay của vợ chồng bà H, ông V theo các giấy vay vào các ngày 03/02/2019, 03/4/2019, 30/4/2019 không liên quan gì khoản nợ vay của bà N.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà M, ông V giao nộp: Bản gốc giấy vay tiền ngày 05/11/2018; bản photo copy các giấy mượn tiền của vợ chồng bà H, ông V vào các ngày 03/02/2019, 03/4/2019, 30/4/2019.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay 10.000.000đ của nguyên đơn như nguyên đơn trình bày, lãi suất là 500.000đ/tháng; ngày 05/12/2018 bà N đã trả cho bà M 500.000đ, bà M yêu cầu tháng sau phải trả 600.000đ lãi vì tháng đầu tiên trả lãi bị trễ; ngày 05/01/2019, bà N gọi điện trả gốc nhưng bà M về quê nên đã nhờ mẹ là bà H trả cho bà M 7.000.000đ, bà M trừ lãi 600.000đ thì còn nợ gốc là 6.400.000đ, do chỉ có 6.400.000đ nên bà H bù vô 100.000đ nữa là 6.500.000đ; bà M không cho thiếu nữa nên bắt bà N trả góp số tiền còn nợ trong vòng 10 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ; bà N đã góp và cộng tiền bà M trừ vào số tiền ông V, bà H đánh nhạc cho ông Khải 1.200.000đ nữa là đã góp đủ. Bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M.

Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà M thừa nhận ngày 05/11/2018, bà trực tiếp dẫn con gái là bà N đến vay của bà M, ông Chính 10.000.000đ; bà H ký vào giấy vay tại mục người vay là để làm tin, còn người vay và nhận tiền vay trên thực tế là bà N; lãi suất thỏa thuận miệng với nhau không ghi vào giấy vay, thời hạn vay 01 tháng.

Tháng 01/2019, bà N nhờ bà H trả tiền vay gốc nhưng bà M về quê không trả được. Ngày 28/12/2018 âm lịch bà H trực tiếp đưa cho bà M 7.000.000đ, khi trả tiền này bà M trừ lãi 600.000đ nên chỉ trả được 6.400.000đ tiền gốc; bà N còn nợ lại 3.600.000đ. Bà M yêu cầu bà N trả 3.600.000đ theo hình thức góp ngày, theo đó mỗi ngày bà N góp 400.000đ. Ngày 06/02/2019 bà H đưa cho bà M 1.200.000đ tiền góp của bà N. Ngày 10/02/2019, ông Khải thuê vợ chồng bà H đánh nhạc thù lao 1.400.000đ, tiền này bà M tự lấy từ ông Khải để trừ vào tiền góp 03 ngày của bà N; ngày 13/02/2019, bà H tiếp tục đưa thêm cho bà M 1.200.000đ. Bà H đã trả đủ tiền vay của bà N cho bà M, ông Chính rồi nên đề nghị bác đơn khởi kiện của bà M, ông Chính.

- Ông V thống nhất trình bày của bà H .

Bà H , ông V cung cấp chứng cứ là bản gốc 01 tờ giấy học sinh có nội dung “Lý Thị Sà thủ quỹ hội xuân 06/01/2019 đã đưa phong bì cho ban nhạc 1.400.000đ và ký tên Lý Thị Sà”.

Tại phiên tòa:

- Ngày 27/5/2020, bà Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đó yêu cầu bà N trả cho bà M , ông Chính 10.000.000đ tiền vay gốc và lãi suất 1.5%/tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm (10.000.000đ x 1.5% x 18 tháng 22 ngày = 2.810.000đ).

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà N trả cho bà 8.600.000đ tiền gốc, lãi phát sinh 0.83%/tháng tính từ ngày 05/11/2018 đến 10/02/2019 trên nợ gốc 10.000.000đ; lãi phát sinh 0.83%/tháng tính từ ngày 11/02/2019 đến ngày 27/5/2020. Bác một phần yêu cầu về gốc và lãi của nguyên đơn và buộc nguyên đơn, bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Bà Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà N , ông V , bà H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

- **Về nội dung:**

* Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 10.000.000đ:

[01] Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 05/11/2018 và xác nhận của các bên thì có việc ngày 05/11/2018 bà N vay của vợ chồng bà M , ông Chính 10.000.000đ. Bà N , bà H và ông Lâm cho rằng bà N đã trả đủ gốc và lãi cho vợ chồng bà M , ông Chính như trình bày ở trên nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[02] Ngày 10/02/2019, bà M có nhận của ông Khải 1.400.000đ được các bên xác nhận là đúng. Bà H , ông V cho rằng số tiền này cản trừ khoản nợ 10.000.000đ của bà N ; bà M , ông Chính lại cho rằng đây là tiền bà H , ông V trả nợ vay của ông bà đối với các khoản vay ngày 03/02/2019, 03/4/2019, 30/4/2019, không phải trả nợ vay cho bà N ; đồng thời cung cấp cho Tòa án bản photo các giấy vay này nhưng không xuất trình được bản gốc và không được bà H , ông V thừa nhận nên số tiền 1.400.000đ được trừ vào nợ gốc bà N đã vay của bà M , ông Chính. Như vậy tính đến ngày 11/02/2019, bà N còn nợ 8.600.000đ tiền gốc.

* Xét yêu cầu về lãi của nguyên đơn:

[03] Khi cho vay cả các bên có thỏa thuận lãi nhưng không ghi rõ mức lãi bao nhiêu mà chỉ thỏa thuận miệng, các bên đều không chứng minh được mức lãi suất và có

tranh chấp nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cần áp dụng mức lãi suất 0.83%/tháng. Cụ thể như sau:

- Tính từ ngày 05/11/2018 đến ngày 10/02/2019 là $10.000.000đ \times 0.83\% \times 03$ tháng 05 ngày = 265.600đ;

- Tính từ ngày 11/02/2019 đến ngày 27/5/2020 là $8.600.000đ \times 0.83\% \times 15$ tháng 16 ngày = 1.108.769đ.

Tổng cộng lãi bà N phải trả là 1.374.369đ (làm tròn: 1.374.400đ)

[04] Về án phí:

- Bà N phải chịu $9.974.400đ \times 5\% = 498.720đ$ (Làm tròn: 498.700đ) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà M, ông Chính;

- Bà M, ông Chính phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị bác yêu cầu là 4.210.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn Chính về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà Hà Thị Yến N; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H, ông Thạch Ngọc V.

Buộc bà Hà Thị Yến N trả cho vợ chồng bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn Chính 9.974.400đ (Chín triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015”.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn Chính đối với số tiền 4.210.000đ.

3. Về án phí: Buộc bà Hà Thị Yến N phải nộp 498.700đ (Bốn trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; buộc vợ chồng bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn Chính phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0013150 ngày 24/9/2019. Vợ chồng bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn Chính đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Vợ chồng bà M, ông Chính, bà N, ông V và bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc

kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện B ;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện B ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

Đỗ Đức Lâm

Nguyễn Văn Linh